

Số: 1297/QĐ-SGDĐT

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số
Khóa ngày 17 tháng 10 năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng Dân tộc thiểu số (DTTS);

Căn cứ Công văn số 88/SGDĐT-GDTCN ngày 13/01/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng DTTS từ năm 2020;

Căn cứ kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ tiếng DTTS khóa ngày 17 tháng 10 năm 2020 của các hội đồng tổ chức kiểm tra.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên và Giáo dục chuyên nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số cho 98 học viên (có danh sách kèm theo), khóa kiểm tra ngày 17/10/2020 của các hội đồng tổ chức kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Trung tâm GDTX 1 tỉnh: 49 học viên. Trong đó xếp loại: Giỏi: 01; Khá 20; Trung bình: 27 học viên.

2. Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình: 49 học viên. Trong đó xếp loại: Giỏi: 19; Khá: 27; Trung bình: 03 học viên.

Điều 2. 98 học viên đủ điều kiện xếp loại trong danh sách nêu trên được Sở GDĐT cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số theo Quy định của Bộ GDĐT.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT, Giám đốc các Trung tâm GDTX 1 Tỉnh, GDNN-GDTX Lộc Bình và các học viên có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo ;
- Điều 3 (t/h);
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, GDTX-GDCN.



Nguyễn Minh Châu

DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Tiếng dân tộc thiểu số
Hội đồng Trung tâm GDTX 1 Tỉnh - Khóá kiểm tra ngày 17/10/2020

(Kèm theo Quyết định số 1297/QĐ-SGDDĐT ngày 26/10/2020 của Sở GD&ĐT Lạng Sơn)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Kết quả điểm Kiểm tra			Điểm TB Kiểm tra cấp CC	Xếp loại
					Kỹ năng nghe hiểu	Kỹ năng Viết và Đọc hiểu	Kỹ năng Hội thoại		
1	Đinh Kiều Anh	Nữ	11/02/1997	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.0	7.5	8.0	7.5	Khá
2	Bế Hoàng Anh	Nam	27/08/1996	Thành phố Lạng Sơn	7.0	6.5	6.8	6.8	Trung bình
3	Chu Quỳnh Anh	Nữ	22/05/1990	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	6.5	7.0	7.3	6.9	Trung bình
4	Lương Thị Khánh Chi	Nữ	1/11/1996	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.0	6.0	7.0	6.7	Trung bình
5	Nông Xuân Chiến	Nam	13/07/1986	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	6.5	7.0	8.8	7.4	Khá
6	Lý Thị Kim Cúc	Nữ	24/03/1985	Bình Gia - Lạng Sơn	6.0	6.5	7.0	6.5	Trung bình
7	Đào Trọng Cường	Nam	02/10/1983	Tân Yên, Bắc Giang	5.0	7.0	7.5	6.5	Trung bình
8	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	11/11/1993	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.5	6.5	7.5	6.5	Trung bình
9	Nguyễn Đình Đức	Nam	24/03/1984	Lạng Giang - Bắc Giang	6.0	6.5	6.8	6.4	Trung bình
10	Vương Tiến Dũng	Nam	9/06/1990	Hữu Lũng - Lạng Sơn	7.0	6.5	8.5	7.3	Khá
11	Chu Thu Hằng	Nữ	28/12/1993	Văn Quan - Lạng Sơn	4.0	6.5	7.0	5.8	Trung bình
12	Trần Minh Hiệp	Nam	28/11/1996	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.5	6.5	7.8	6.6	Trung bình
13	Hoàng Ngọc Hữu	Nam	26/01/1989	Lạng Sơn	Vắng			0.0	Hồng
14	Nguyễn Bảo Huy	Nam	01/01/1997	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.5	6.0	6.8	6.1	Trung bình
15	Nông Quang Huy	Nam	20/09/1996	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.0	6.0	7.5	6.2	Trung bình
16	Đặng Quang Huy	Nam	3/06/1997	Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.0	6.5	6.8	6.1	Trung bình

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh				Nơi sinh	Kết quả điểm Kiểm tra			Điểm TB Kiểm tra cấp CC	Xếp loại
								Kỹ năng nghe hiểu	Kỹ năng Viết và Đọc hiểu	Kỹ năng Hội thoại		
39	Hoàng Thị Kim	Nữ	16	8	1993		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.0	7.0	6.8	6.9	Trung bình
40	Vũ Mai	Nữ	07	5	1990		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	6.5	7.0	8.0	7.2	Khá
41	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	13	11	1988		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	6.0	7.0	7.0	6.7	Trung bình
42	Nguyễn Bảo	Nam	01	12	1998		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.5	7.0	8.5	7.7	Khá
43	Hoàng Văn	Nam	29	3	1974		Cao Lộc - Lạng Sơn	7.5	7.5	9.0	8.0	Giỏi
44	Trần Duy	Nam	06	9	1998		Hữu Lũng - Lạng Sơn	7.0	7.0	8.0	7.3	Khá
45	Nông Ngọc	Nam	31	12	1990		Thành Phố Lạng Sơn	7.0	6.0	7.0	6.7	Trung bình
46	Nguyễn Thị Tố	Nữ	08	9	1986		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	5.5	7.5	9.0	7.3	Trung bình
47	Lã Quốc	Nam	21	4	1992		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.0	7.0	8.5	7.5	Khá
48	Hoàng Thúy	Nữ	25	4	1998		Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	7.5	7.0	7.0	7.2	Khá
49	Hoàng Hải	Nữ	23	11	1994		Văn Quan, Lạng Sơn	7.0	8.5	9.0	8.2	Giỏi
50	Tô Thị	Nữ	03	8	1992		Cao Lộc - Lạng Sơn	7.0	7.0	9.5	7.8	Khá

(Ấn định danh sách có 50 người, trong đó xếp loại Giỏi: 02; Khá: 20; Trung bình: 27, Không xếp loại: 01 học viên)